

Số: /2025/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 11 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định các chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 317/TTr-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định các chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra số 79/BC-BPC ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định các chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết quy định các chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào làm việc trong các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập do thành phố quản lý.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực: y tế; giáo dục; khoa học và công nghệ; công nghệ thông tin và truyền thông; công nghệ sinh học; kinh tế biển; văn hóa, thể thao, du lịch và dịch vụ; cơ khí chế tạo; chế biến; điện tử; viễn thông; dịch vụ logistics; khoa học và công nghệ biển; công nghiệp công nghệ cao; nông nghiệp công nghệ cao; kinh tế tuần hoàn; phát triển và quản lý đô thị; quản lý quy hoạch kiến trúc; xây dựng, thi hành pháp luật và các lĩnh vực khác theo nhu cầu phát triển của thành phố giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Học sinh, sinh viên có thành tích học tập, tốt nghiệp loại giỏi, loại xuất sắc, có tố chất, năng khiếu nổi trội từ các cơ sở giáo dục, đào tạo.

2. Những người có học vị, học hàm Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I, dược sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành y học, dược học (sau đây gọi là Thạc sĩ và tương đương); Bác sĩ nội trú; Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp II, dược sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành y học, dược học (sau đây gọi là Tiến sĩ và tương đương); giáo sư, phó giáo sư; cá nhân có các công trình nghiên cứu được công nhận và ứng dụng hiệu quả cao vào đời sống thực tiễn.

3. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có năng lực nổi trội, luôn hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công vụ.

4. Chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động trong nước có trình độ cao năng lực vượt trội và kinh nghiệm thực tiễn đang làm việc ở các lĩnh vực, khu vực, địa bàn khác.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm quy định của pháp luật, công khai, minh bạch, khách quan, công bằng trong quá trình thực hiện chính sách.

2. Các mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và không làm căn cứ để tính các chế độ, phụ cấp khác.

3. Đối tượng hưởng chính sách quy định tại Nghị quyết này phải đảm bảo còn tối thiểu 10 năm công tác (trừ Giáo sư, Phó Giáo sư) sau khi được tuyển dụng, tiếp nhận.

Điều 4. Thôi áp dụng chính sách đối với người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao

Thôi áp dụng các chính sách quy định tại Nghị quyết này đối với người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Theo nguyện vọng của người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao.
2. Cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành nhiệm vụ trở xuống hoặc không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.
3. Có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.
4. Do có sự thay đổi về ngành, lĩnh vực cần ưu tiên sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong từng giai đoạn.
5. Các trường hợp khác do Hội đồng tuyển chọn người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao xem xét, quyết định.

Điều 5. Đền bù kinh phí hỗ trợ

1. Đối với các chính sách quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị quyết này: Trong thời gian thực hiện cam kết, đối tượng được hưởng chính sách thu hút phải đền bù kinh phí hỗ trợ trong các trường hợp sau:

- a) Đền bù gấp 02 lần mức hỗ trợ đã nhận nếu vi phạm một trong các trường hợp:
 - a1) Không chấp hành sự phân công công tác của cơ quan, đơn vị.
 - a2) Cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng không hoàn thành nhiệm vụ.
 - a3) Không thực hiện đúng cam kết do lỗi chủ quan.
 - a4) Tự ý bỏ việc.
 - a5) Bị kỷ luật buộc thôi việc.
- b) Đối tượng được hưởng chính sách thu hút do khách quan không làm việc đủ thời gian đã cam kết và được cấp có thẩm quyền đồng ý (trừ đối tượng quy

định tại điểm c khoản này), phải có trách nhiệm hoàn trả kinh phí với mức tương ứng như sau:

$$\text{Mức kinh phí hoàn trả} = \frac{\text{Tổng các mức hỗ trợ đã nhận}}{\text{Số tháng cam kết làm việc tối thiểu}} \times \frac{\text{Số tháng chưa làm việc theo cam kết}}$$

c) Trường hợp đối tượng hưởng chính sách thu hút bị mất khả năng lao động, tử vong trong thời gian cam kết hưởng chính sách thu hút thì không phải hoàn trả kinh phí được hỗ trợ.

2. Đối với chính sách quy định tại Điều 12 Nghị quyết này:

a) Trường hợp không thực hiện đúng cam kết, người được hưởng chính sách phải thực hiện việc đền bù kinh phí đào tạo theo quy định của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức sau khi cấp có thẩm quyền có quyết định đền bù chi phí đào tạo.

b) Trong thời gian thực hiện cam kết, người được hưởng chính sách nếu vi phạm kỷ luật bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc, phải đền bù 100% kinh phí đã được hỗ trợ sau khi quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực thi hành.

CHƯƠNG II. CHÍNH SÁCH THU HÚT NGƯỜI CÓ TÀI NĂNG, NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

Điều 6. Chính sách học bổng đối với học sinh

1. Đối tượng và điều kiện áp dụng

a) Học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi chọn Học sinh giỏi và nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, Huy chương Vàng, Huy chương Bạc, Huy chương Đồng các kỳ thi chọn Học sinh giỏi cấp quốc tế; cam kết học tập, tốt nghiệp loại giỏi trở lên các trường Đại học trong và ngoài nước.

b) Học sinh tốt nghiệp các trường trung học phổ thông thuộc thành phố Hải Phòng đạt giải Nhất trong các kỳ thi chọn Học sinh giỏi và nghiên cứu khoa học cấp thành phố hoặc có điểm trúng tuyển theo phương thức thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ 27 điểm trở lên vào các trường Đại học công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; cam kết học tập, tốt nghiệp Đại học loại giỏi trở lên.

c) Đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này phải cam kết trong vòng 02 năm sau khi tốt nghiệp làm việc tại các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 1 Nghị quyết này tối thiểu là 05 năm.

2. Chính sách áp dụng:

Thành phố cấp học bổng 100% học phí học tập theo quy định.

Điều 7. Chính sách học bổng đối với sinh viên học sau đại học

1. Đối tượng và điều kiện áp dụng

Sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, loại xuất sắc các trường Đại học trong và ngoài nước đúng các ngành, nghề phục vụ cho sự phát triển của thành phố tiếp tục học sau đại học; cam kết trong vòng 02 năm sau khi tốt nghiệp làm việc tại các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 1 Nghị quyết này tối thiểu là 05 năm.

2. Chính sách áp dụng:

Thành phố cấp học bổng 100% học phí học tập theo quy định.

Điều 8. Chính sách hỗ trợ một lần

1. Đối tượng và điều kiện áp dụng

Các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này (trừ đối tượng đã được hưởng chính sách quy định tại Điều 6, Điều 7) sau khi được tuyển dụng, tiếp nhận và cam kết làm việc cho các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 1 Nghị quyết này ít nhất từ 05 năm trở lên và đúng với ngành, nghề thành phố cần thu hút theo từng năm, từng thời kỳ.

2. Chính sách áp dụng: Được hưởng kinh phí hỗ trợ một lần sau khi được tuyển dụng, tiếp nhận theo từng đối tượng như sau:

- a) Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc: 150 triệu đồng.
- b) Người có trình độ Thạc sĩ và tương đương: 200 triệu đồng.
- c) Người có trình độ Bác sĩ nội trú: 250 triệu đồng.
- d) Người có trình độ Tiến sĩ và tương đương: 300 triệu đồng.
- đ) Người đạt chuẩn chức danh Phó Giáo sư: 400 triệu đồng.
- e) Người đạt chuẩn chức danh Giáo sư: 500 triệu đồng.

3. Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách thu hút hỗ trợ một lần theo các Nghị quyết khác nhau của thành phố thì được hưởng một chính sách cao nhất.

Điều 9. Chính sách về thu nhập

1. Ngoài việc được hưởng tiền lương, phụ cấp và các chế độ, chính sách khác theo quy định, cá nhân có đủ tiêu chuẩn, điều kiện thuộc đối tượng thu hút tại Điều 2 Nghị quyết này (trừ trường hợp đã hưởng chính sách theo quy định tại Điều 10) còn được hưởng chính sách hỗ trợ về thu nhập.

Việc chi trả chính sách hỗ trợ về thu nhập của năm nào thì căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoặc đánh giá hiệu quả công việc của năm đó và được chi trả vào năm sau liền kề, cụ thể:

a) Trường hợp đánh giá hàng năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được hưởng 100% mức hỗ trợ về thu nhập quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp hoàn thành tốt nhiệm vụ trở xuống thì không được hưởng chính sách hỗ trợ về thu nhập.

2. Mức hỗ trợ về thu nhập cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc: Mức hỗ trợ = 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng x Số tháng làm việc thực tế trong năm.

b) Người có trình độ Thạc sĩ và tương đương, Bác sĩ nội trú: Mức hỗ trợ = 02 lần mức lương tối thiểu vùng x Số tháng làm việc thực tế trong năm.

c) Người có trình độ Tiến sĩ và tương đương: Mức hỗ trợ = 03 lần mức lương tối thiểu vùng x Số tháng làm việc thực tế trong năm.

d) Người đạt chuẩn chức danh Phó Giáo sư trở lên: Mức hỗ trợ = 04 lần mức lương tối thiểu vùng x Số tháng làm việc thực tế trong năm.

đ) Người có trình độ, năng lực vượt trội và kinh nghiệm thực tiễn đang làm việc ở các lĩnh vực, khu vực, địa bàn khác về công tác tại cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 1 Nghị quyết này: Mức hỗ trợ = 02 lần mức lương tối thiểu vùng x Số tháng làm việc thực tế trong năm.

3. Thời gian áp dụng:

a) Chính sách hỗ trợ thu nhập được áp dụng trong 05 năm kể từ ngày có quyết định tuyển dụng hoặc tiếp nhận của cơ quan có thẩm quyền. Sau thời hạn nêu trên, cơ quan, đơn vị sử dụng báo cáo Hội đồng tuyển chọn người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao xem xét, quyết định gia hạn thời gian hưởng chính sách cho 05 năm tiếp theo.

b) Chính sách hỗ trợ thu nhập được tính trên số tháng làm việc thực tế trong năm tại cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 1 Nghị quyết này. Thời gian nghỉ thai sản; nghỉ việc riêng; nghỉ do ốm đau hoặc nghỉ để điều trị chấn thương do tai nạn lao động; phải bàn giao lại công việc để tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hệ tập trung không được tính vào thời gian làm việc thực tế. Số ngày làm việc thực tế trong tháng từ 15 ngày trở lên được tính là một tháng.

c) Trường hợp có thời gian công tác trong năm dưới 06 tháng thì cơ quan, đơn vị sử dụng có trách nhiệm đánh giá hiệu quả công việc, làm cơ sở chi trả chính sách với thời gian công tác thực tế trong năm đó.

d) Trường hợp không còn công tác hoặc chuyển công tác trước thời điểm đánh giá, xếp loại đến cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị quyết thì cơ quan, đơn vị trước khi chuyển/nghỉ công tác căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại theo quy định hoặc đánh giá hiệu quả công việc làm cơ sở chi trả chính sách đối với thời gian công tác thực tế tại cơ quan, đơn vị trước khi chuyển/nghỉ công tác trong năm đó.

Điều 10. Chính sách đặt hàng chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện các công trình, nhiệm vụ của thành phố

1. Đối tượng áp dụng:

Chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao được cấp có thẩm quyền của thành phố ký hợp đồng đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án (không phải là nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo), giải pháp, sáng kiến đổi mới kỹ thuật, công nghệ hoặc tác phẩm, công trình văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao từ cấp thành phố, cấp bộ, ban, ngành (gọi tắt là cấp thành phố, cấp bộ) trở lên thuộc danh mục nhiệm vụ cần phải hoàn thành.

2. Điều kiện áp dụng:

a) Đối với chuyên gia, nhà khoa học phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a1) Có trình độ và chuyên ngành đào tạo phù hợp với hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật Việt Nam.

a2) Có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và thành tích nghiên cứu khoa học phù hợp với yêu cầu của vị trí cần thu hút.

a3) Có công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu Web of Science (WoS) hoặc có công trình nghiên cứu xuất sắc đã được nghiệm thu hoặc có sáng chế được công nhận đem lại hiệu quả cao, được ứng dụng trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các ngành, lĩnh vực khác.

a4) Có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo, tư vấn, chuyển giao công nghệ, quản lý hoạt động khoa học, vận hành các thiết bị, dây chuyền sản xuất, thiết kế chế tạo sản phẩm liên quan đến lĩnh vực chuyên môn.

b) Đối với người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

b1) Có tri thức và năng lực đặc biệt xuất sắc, có khả năng lao động sáng tạo cao và có uy tín trong một hoặc một số ngành, lĩnh vực cần thu hút.

b2) Đã đạt nhiều thành tích hoặc có khả năng hoàn thành công việc, nhiệm vụ cụ thể với mức độ tốt vượt trội mà ít người có thể thực hiện được.

3. Chính sách áp dụng:

a) Chính sách chi trả kinh phí theo hợp đồng

a1) Mức chi trả kinh phí theo hợp đồng từ 30 - 100 triệu đồng/chuyên gia/tháng. Mức thu nhập này đã bao gồm tiền lương hàng tháng và các khoản phụ cấp theo lương (nếu có) mà chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao được hưởng theo quy định pháp luật.

a2) Thời gian áp dụng: từ khi ký kết hợp đồng đến khi kết thúc hợp đồng.

a3) Việc quyết định mức thu nhập cụ thể cho từng chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao tương xứng

với trình độ, năng lực và uy tín cá nhân do cơ quan, người có thẩm quyền đặt hàng quyết định.

b) Chính sách chi trả đối với trường hợp đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố:

Trường hợp thành phố đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố được chi trả chế độ nghiên cứu theo quy định. Trường hợp được Hội đồng nghiệm thu cấp thành phố xếp loại xuất sắc và được áp dụng rộng rãi vào thực tiễn được thành phố thưởng bằng 25% tổng kinh phí ngân sách chi trả cho đề tài đó, mức thưởng tối đa không quá 500 triệu đồng/đề tài.

Điều 11. Chính sách hỗ trợ nhà ở và đi lại

1. Trường hợp các đối tượng được thu hút từ địa phương khác đến thành phố Hải Phòng làm việc thì được hỗ trợ đi lại cho cá nhân và gia đình với mức hỗ trợ bằng 5 triệu đồng/tháng trong thời gian công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc Điều 1 Nghị quyết này. Các đối tượng này không được hưởng chính sách hỗ trợ kinh phí đi lại và thuê nơi ở theo quy định tại văn bản khác của thành phố.

2. Trường hợp các đối tượng được thu hút có nhu cầu mua nhà ở xã hội thì được ưu tiên mua nhà ở xã hội theo các chính sách của thành phố.

CHƯƠNG III. CHÍNH SÁCH TRỌNG DỤNG NGƯỜI CÓ TÀI NĂNG, NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

Điều 12. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng

1. Thành phố tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đối với người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao sau khi được tuyển dụng, tiếp nhận.

2. Chính sách hỗ trợ trong đào tạo

Người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao được cử đi đào tạo trình độ cao hơn có cam kết làm việc cho các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 1 Nghị quyết này ít nhất 5 năm kể từ ngày hoàn thành chương trình đào tạo thì được hỗ trợ kinh phí đào tạo sau khi đạt trình độ Tiến sĩ và tương đương trở lên: 200 triệu đồng.

Điều 13. Chính sách tôn vinh, khen thưởng

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng quy định tại Nghị quyết này có các công trình, đề án, đề tài, giải pháp sáng tạo kỹ thuật, sáng kiến được cấp thành phố trở lên công nhận và xếp loại xuất sắc và được áp dụng hiệu quả, thiết thực được nhân rộng trong thực tiễn thì ngoài được hưởng các chế độ theo quy định còn được thưởng 20% giá trị đem lại và tối đa không quá 500 triệu đồng/giải pháp, sáng kiến.

CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Ban hành Kế hoạch của giai đoạn và Kế hoạch hằng năm triển khai, thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định cụ thể lĩnh vực, ngành/chuyên ngành đào tạo, cơ sở đào tạo, tiêu chí, đối tượng, số lượng người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu phát triển của thành phố.

b) Thành lập Hội đồng tuyển chọn người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao hằng năm quyết định đối tượng được hưởng chính sách; quyết định việc tiếp tục hoặc thôi áp dụng chính sách; quyết định việc xét đền bù kinh phí hỗ trợ.

c) Báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố kết quả thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 1, khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút giảng viên trình độ cao cho trường Đại học Hải Phòng giai đoạn 2025-2030.

3. Bãi bỏ Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ đi đào tạo sau đại học, thưởng phong học hàm, tặng danh hiệu đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVI, Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND TP khóa XVI;
- Các VP: TU, ĐDBQH & HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TTĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu HSKH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu